

Ngành: Công nghệ thông tin | BSC RESEARCH

KHUYẾN NGHỊ		MUA	CTCP CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM (HSC: ELC) KỶ VỌNG TỪ CÁC DỰ ÁN ITS THUỘC CAO TỐC BẮC – NAM GIAI ĐOẠN 1		
Giá hiện tại:	14,600	Ngày viết báo cáo:	13/07/2023	CƠ CẤU CỔ ĐỒNG	
Giá mục tiêu trước đây	-	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	58.8	Phan Chiến Thắng	9.37%
Giá mục tiêu mới:	18,400	Vốn hóa (tỷ đồng)	740.61	CTCP Chứng khoán SSI	5.85%
Tỷ suất cổ tức		Thanh khoản bình quân 10 phiên:	195,240	Trần Hùng Giang	5.85%
Tiềm năng tăng giá	25%	Sở hữu nước ngoài	9.73%		

Bộ phận Research:

Trần Lâm Tùng,
Tungtl@bsc.com.vn

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu ELC với giá mục tiêu **18,400 đồng** (+25% so với mức giá ngày 13/07/2023) cho năm 2023 dựa trên hai phương pháp PE mục tiêu = 17 lần dựa trên triển vọng tăng trưởng khả quan nhờ kỳ vọng trúng thầu các dự án ITS của chính phủ và chiết khấu 20% trung bình P/E 5 năm (21.1) do rủi ro trích lập dự phòng các khoản phải thu.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- (1) Kỳ vọng ELC có điểm rơi lợi nhuận trong Q3.2023
- (2) Tiềm năng trúng thầu thêm các dự án ITS khác thuộc cụm dự án cao tốc Bắc Nam giai đoạn I
- (3) Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của mảng cho thuê bất động sản

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Dự phóng kết quả kinh doanh 2023: BSC dự phóng Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2023 của ELC đạt **1,136 tỷ (+47.5% yoy)** và **66 tỷ (+77.4% yoy)**, **EPS FW 2023 = 1,082 VND/CP**, **PE FW 2023 = 13.6** dựa trên giả định:

- (1) Ghi nhận dự án Nha Trang – Cam Lâm trị giá 300 tỷ đồng trúng thầu vào Q3.2023
- (2) Ghi nhận 60 tỷ từ dự án Diễn Châu - Bãi Vọt tương đương 27% giá trị dự án vào năm 2023.
- (3) Mảng an ninh quốc phòng, viễn thông tăng trưởng 5% so với cùng kỳ.
- (4) Biên gộp cải thiện 3% từ mức 16.3% lên 19.3%.

RỦI RO

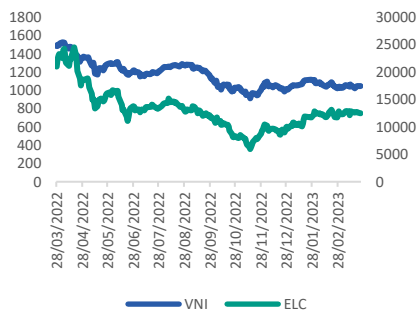
- (1) Trích lập dự phòng/Thu tiền chậm
- (2) Phụ thuộc vào chính sách, tiến độ giải ngân của chính phủ và doanh nghiệp

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

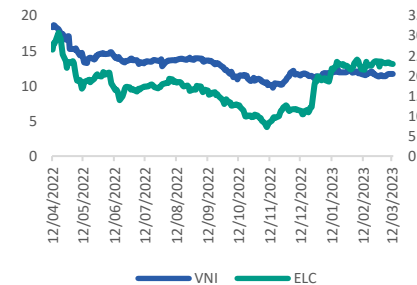
Doanh thu và lợi nhuận sau thuế Q1.2023 ghi nhận lần lượt **85.9 tỷ đồng (-58% yoy)** và **3.4 tỷ đồng (-74% yoy)** do:

- (1) Tình hình triển khai các dự án của khách hàng ELC bị chậm trong Q1.2023 (dự án Diễn Châu – Bãi Vọt).
- (2) Chi phí bán hàng/quản lý doanh nghiệp tương đương so với Q4.2022 trong khi doanh thu giảm mạnh.

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



Chỉ số	2022	2023F	Peer	VN-Index
PE (x)	17.7	13.6	28.2	14.6
PB (x)	0.8	0.8	4.8	1.7
PS (x)	0.86	0.57	2.9	1.3
ROE (%)	4%	7%	18%	13%
ROA (%)	3%	5%	7%	2%

	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	802	659	863	1,136
Lợi nhuận gộp	135	129	141	219
Lợi nhuận sau thuế	31	50	37	68
EPS	631	947	606	1,082
Tăng trưởng EPS	7%	50%	-36%	79%

I. CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q1.2023

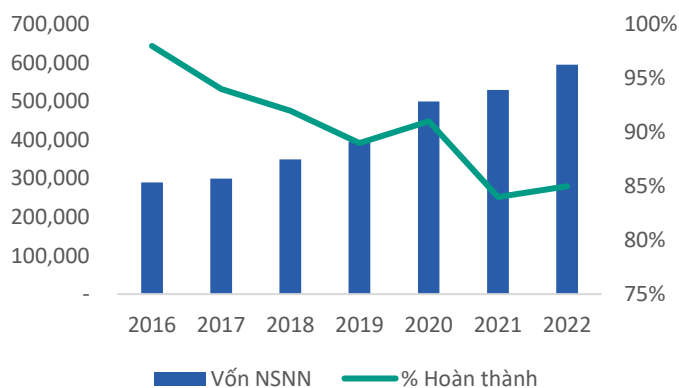
Tỷ đồng	Q1.2023	Q1.2022	% YoY	Nhận xét
Doanh thu thuần	85.9	205.5	-58%	Doanh thu thuần và LNST ghi nhận giảm mạnh lần lượt 85.9 tỷ đồng (-58% yoy) và 3.4 tỷ (-74% yoy) do: (1) Tình hình triển khai các dự án của khách hàng của ELC bị chậm trong Q1.2023 (dự án Diễn Châu – Bãi Vọt) (2) Chi phí SG&A tương đương Q4.2022 trong khi doanh thu giảm mạnh.
Lợi nhuận gộp	29.5	23.6	25%	
BLNG	34%	11%		
CP bán hàng	12.3	8.5	45%	
CP QLDN	13.1	7	87%	
SG&A/ DTT	30%	8%		Biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh 23 điểm % so với cùng kỳ chủ yếu nhờ tỷ trọng gia tăng so với cùng kỳ của doanh thu bán phần mềm = 22.5 tỷ đồng (biên gộp = 97%).
EBIT	4.1	8.1	-49%	
DT tài chính	1.3	7.3	-82%	
CP tài chính	0.2	0.1	100%	
LNTT	4.9	14.8	-67%	
LNST	3.4	13.3	-74%	Tỷ lệ nợ xấu/khoản phải thu = 3.7% tương đương Q4.2022 do khoản phải thu khó đòi với VNPT và CTCP Thủy Sản N.G VN (tổng giá trị = 16 tỷ đồng) chưa thu hồi được.
Biên LNST	4%	6%		
EPS	61	215		

II. LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

1. Kỳ vọng ELC có điểm rơi lợi nhuận trong Q3.2023.

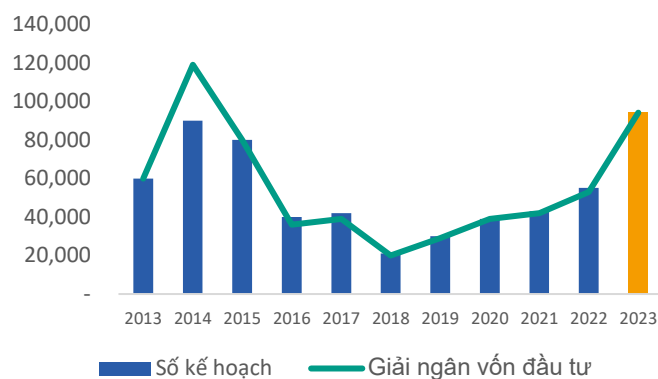
Năm 2022, giải ngân vốn ngân sách nhà nước (NSNN) ghi nhận mức gần như chậm nhất trong giai đoạn 2016 - 2022. Do vậy bước sang năm 2023, đầu tư công được kỳ vọng tăng trưởng +24% yoy, với kế hoạch tập trung đẩy mạnh phát triển hạ tầng với kế hoạch giải ngân của bộ Giao Thông Vận Tải (GTVT) tăng hơn 70% so với cùng kỳ.

Hình: Giải ngân NSNN chậm trong 2022



Nguồn: GSO

Hình: Phát triển hạ tầng được tập trung trong 2023



Nguồn: Bộ GTVT

Do đó, BSC kỳ vọng tình trạng chậm tiến độ như trong năm 2022 và Q1.2023 làm ảnh hưởng đến KQKD của ELC sẽ không tiếp diễn và ELC sẽ có điểm rơi lợi nhuận vào Q3.2023 do:

(1) ELC được giao thực hiện hai gói thầu ITS tại dự án **Nha Trang – Cam Lâm (trị giá 350 tỷ đồng)** và **Diễn Châu – Bãi Vọt (trị giá 214 tỷ đồng)**.

(2) Dự án Nha Trang – Cam Lâm (ELC trúng thầu) dự kiến thông xe kỹ thuật trong tháng 6 và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 9 năm nay. Do đó, BSC kỳ vọng ELC sẽ triển khai gói ITS cho gói Nha Trang – Cam Lâm ngay khi thông xe và kỳ vọng ghi nhận doanh thu và lợi nhuận từ Q3.2023.

Bảng 1: Thông tin các dự án ITS mà ELC đã trúng thầu

TT	Dự án	Quãng đường (km)	TMĐT (Tỷ VNĐ)	% Hoàn thành	Nhận xét
1	Nha Trang – Cam Lâm	50	7,615	70.00%	Đúng tiến độ. Đã thông xe kỹ thuật vào tháng 6, đi vào hoạt động vào tháng 9, 2023
2	Diễn Châu – Bãi Vọt	50	13,338	24.02%	Rất chậm so với tiến độ do vướng mắc về vận chuyển, thiếu vốn

2. Tiềm năng trúng thầu thêm các dự án ITS khác thuộc cụm dự án cao tốc Bắc Nam giai đoạn I.

Tính đến thời điểm hiện tại, nếu không tính 2 dự án mà ELC đã trúng thầu, có **5/9 dự án** đã hoàn thành trên 70% khối lượng và hầu hết đều dự kiến thông xe kỹ thuật trong năm 2023. **BSC tin rằng đây đều là những dự án mà ELC có tiềm năng đấu thầu thành công và ghi nhận tăng trưởng mạnh trong 2023 nhờ:**

(1) Số lượng các nhà thầu ITS có kinh nghiệm và năng lực thi công ở Việt Nam là tương đối ít, trong khi năng lực thực hiện dự án của ELC đã được chứng minh sau khi hoàn thành dự án ITS ở cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

(2) Mỗi dự án lắp đặt ITS tại các cao tốc thường có giá trị từ 200 - 300 tỷ đồng, do vậy việc trúng thầu thêm các dự án khác sẽ là tăng trưởng mạnh cho ELC trong năm 2023.

Với quan điểm thận trọng, BSC hiện tại chỉ ghi nhận dự án mà ELC công bố trúng thầu là Nha Trang – Cam Lâm với trị giá 350 tỷ đồng vào dự phóng của mình trong năm 2023. KQKD của ELC hoàn toàn có thể vượt từ 15.7% - 23.5% so với dự phóng của chúng tôi nếu trúng thầu thêm dự án.

Bảng 2: Thông tin các dự án thuộc cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 1 và nhà thầu ITS

T T	Dự án	Quãng đường (km)	TMĐT (Tỷ VNĐ)	% Hoàn thành	Nhận xét	Nhà thầu ITS
A	Cao tốc Bắc - Nam GĐ1	659	97,288			
1	Mai Sơn - QL45	63	12,111	83.48%	Sát tiến độ. Dự kiến thông xe trước 3 0.4.2023	Chưa có t/t nhà thầu
2	QL45- Nghi Sơn	43	5,534	54.90%	Đúng tiến độ. Dự kiến hoàn thành trong Q3.2023.	Chưa có t/t nhà thầu
3	Nghi Sơn - Diễn Châu	50	7,293	63.40%	Chậm tiến độ gói XL2 do vướng mắc về vận chuyển	Chưa có t/t nhà thầu
4	Cam Lộ - La Sơn	98	7,669	100%	Đã thông xe trong năm 2022	Không/ Chưa lắp camera giám sát
5	Cam Lâm - Vĩnh Hảo	79	13,687	36.16%	Vượt tiến độ 3 tháng	Công ty cổ phần An ninh Đèo Cả
6	Vĩnh Hảo - Phan Thiết	106	10,854	70.94%	Sát tiến độ. Dự kiến thông xe trước 3 0.4.2023	Chưa có t/t nhà thầu
7	Phan Thiết - Dầu Giây	98	12,577	78.80%	Sát tiến độ. Dự kiến thông xe trước 3 0.4.2023	Chưa có t/t nhà thầu
8	Cầu Mỹ Thuận 2	7	5,003	70.73%	Đúng tiến độ. Dự kiến hoàn thành cuối năm 2023	Chưa có t/t nhà thầu
9	Cao Bồ - Mai Sơn	15	1,607	83.48%	Chậm tiến độ. Dự kiến thông xe trước 30.4.2023	Chưa có t/t nhà thầu

Nguồn: BSC tổng hợp

Ngoài ra, với đề án đã được phê duyệt trong năm 2022, chính phủ đã đặt mục tiêu đến năm 2025, 100% các tuyến đường bộ cao tốc và các thành phố lớn triển khai lắp hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. **BSC cho rằng ELC sẽ tiếp tục được hưởng lợi trong trung và dài hạn từ các dự án ITS của chính phủ nhờ:**

- (1) Hiện tại, chỉ 6/21 cao tốc được lắp đặt hệ thống ITS và dự kiến nếu theo đúng kế hoạch sẽ có thêm 5.000 km đường cao tốc trong giai đoạn từ nay đến năm 2030.
- (2) Thực hiện các dự án ITS trong dự án cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 1 sẽ là tiền đề để ELC tiếp tục đấu thầu thành công ở các dự án lắp đặt hệ thống ITS khác của chính phủ.

3. Tiềm năng dài hạn nhờ mảng cho thuê bất động sản

ELC hiện tại đang sở hữu tỷ lệ chi phối với mảng đất vàng tại 18 Nguyễn Chí Thanh thông qua một công ty con (CTCP Máy tính và Truyền thông Việt Nam). Công ty cho biết hiện tại đang trong quá trình đàm phán mua lại hoàn toàn 100% vốn cổ phần và nhận được sự hỗ trợ cũng như chủ trương bán vốn từ nhà nước, dự kiến việc mua lại sẽ được hoàn thành trong năm nay trước khi công ty thực hiện dự án xây dựng tổ hợp văn phòng 25 tầng. **Lợi nhuận cho thuê dự kiến có thể từ 40 tỷ - 50 tỷ/năm.**

Giá cho thuê văn phòng tại một số tòa nhà trên đường Nguyễn Chí Thanh – Hà Nội

STT	Tòa nhà	Địa chỉ	Giá cho thuê (USD/m2)
1	TNR Tower	54A Nguyễn Chí Thanh	25 – 33
2	Tòa M3 – M4	91 Nguyễn Chí Thanh	10 – 15
3	Tòa M5	91 Nguyễn Chí Thanh	12 – 16

Nguồn: BSC tổng hợp

Tuy nhiên, trong dự phóng 2023, chúng tôi chưa ghi nhận đóng góp từ dự án tại khu đất 18 Nguyễn Chí Thanh do tình hình khó khăn của thị trường bất động sản và ELC vẫn đang trong quá trình thu mua lại cổ phần của nhà nước.

III. DỰ PHÓNG VÀ ĐỊNH GIÁ

Dự phóng kết quả kinh năm 2023: BSC kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 1,136 tỷ (+31.6% yoy) và 67.6 tỷ (+81.9% yoy), EPS FW 2023 = 1,082 VND/CP, PE FW 2023 = 13.6 dựa trên giả định:

Mảng giao thông thông minh:

- + Ghi nhận doanh thu từ dự án Nha Trang – Cam Lâm trị giá 300 tỷ đồng trong Q3.2023.
- + Ghi nhận 60 tỷ từ dự án Diễn Châu – Bãi Vọt tương đương 27% giá trị dự án trong 2023 do dự án bị chậm tiến độ.
- + Ghi nhận phần còn lại doanh thu từ dự án Diễn Châu – Bãi Vọt trị giá 154 tỷ đồng trong 2024

Mảng viễn thông và an ninh quốc phòng ghi nhận: tăng trưởng 5% so với cùng kỳ do BSC chưa nhận thấy tiềm năng tăng trưởng lớn ở hai mảng này.

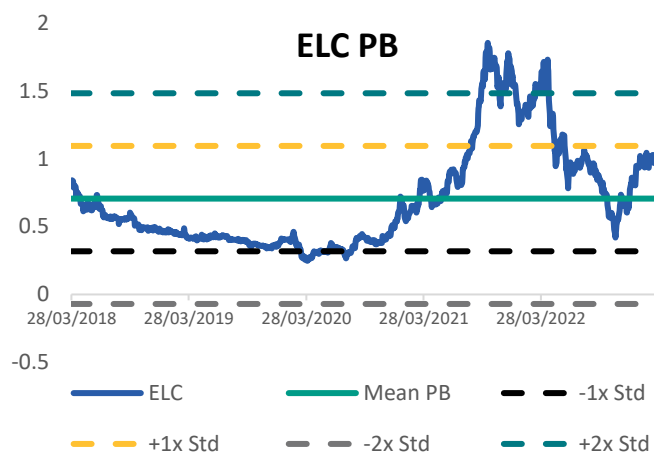
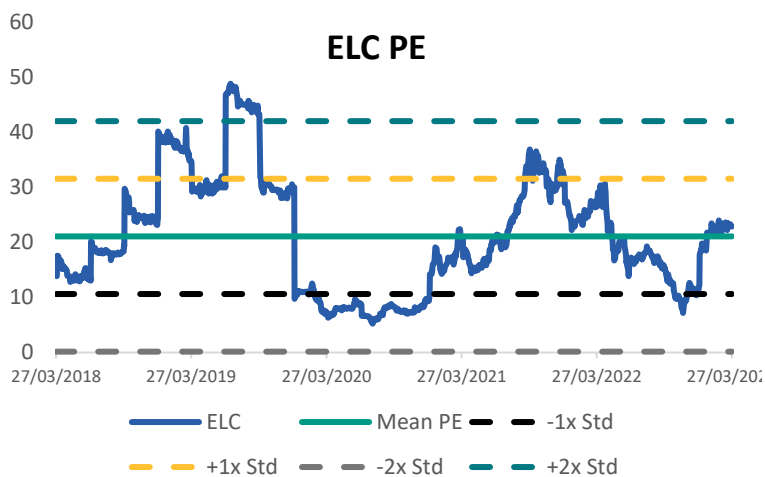
Biên lợi nhuận gộp được cải thiện 3% lên mức 19.3% do mảng giao thông thông minh chiếm tỷ trọng cao (55%) hơn so với năm 2022 và có biên lợi nhuận tốt hơn hai mảng còn lại.

Bảng dự phóng kết quả kinh doanh

Đv: Tỷ đồng	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	659	863	1,136	1,369
Giá vốn hàng bán	(530)	(722)	(917)	(1,103)
Lợi nhuận gộp	129	141	219	266
<i>Biên LNG</i>	<i>19.6%</i>	<i>16.3%</i>	<i>19.3%</i>	<i>19.3%</i>
Chi phí bán hàng	(40)	(45)	(57)	(55)
<i>Biên chi phí bán hàng</i>	<i>6.1%</i>	<i>5.2%</i>	<i>5.0%</i>	<i>4.0%</i>
Chi phí quản lý	(55)	(58)	(75)	(4)
<i>Biên chi phí quản lý</i>	<i>8.3%</i>	<i>6.7%</i>	<i>6.6%</i>	<i>6.9%</i>
Chi phí tài chính	(5)	(38)	(4)	(5)
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>(4)</i>	<i>(1)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
Lợi nhuận trước thuế	59	46	87	121
Lợi nhuận sau thuế	50	37	68	94
EPS	947	606	1,082	1,588

Phương pháp PE: Chúng tôi sử dụng mức PE mục tiêu là 17 dựa trên (1) mức PE trung bình 5 năm của ELC là 21.1 và (2) mức chiết khấu 20% do rủi ro trích lập dự phòng của các khoản phải thu của ELC.

	2022	2023F*
EPS	604	1,082
P/E		17
Giá mục tiêu		18,400



Phụ lục

KQKD (Tỷ đồng)						LCTT (Tỷ đồng)					
	2019	2020	2021	2022	2023F		2019	2020	2021	2022	2023F
Doanh thu thuần	875	802	659	863	1,136	(Lỗ)/LNST	39	41	59	46	87
Giá vốn hàng bán	(755)	(667)	(530)	(722)	(917)	Khấu hao và phân bổ	24	12	7	6	27
Lợi nhuận gộp	120	135	129	141	219	Thay đổi vốn lưu động	(5)	206	(164)	(90)	(32)
Chi phí bán hàng	(36)	(30)	(40)	(45)	(57)	LCTT từ HĐKD	53	266	(97)	(100)	85
Chi phí QLDN	(53)	(69)	(55)	(58)	(75)	Tiền chi mua TSCĐ	(15)	(1)	(4)	(5)	-
Lãi/lỗ HĐKD	30	36	34	38	88	Đầu tư khác	(39)	(4)	19	33	(12)
Doanh thu tài chính	6	12	11	48	4	LCTT từ HĐ Đầu tư	(54)	(4)	15	27	(12)
Chi phí tài chính	(3)	(8)	(5)	(38)	(4)	Tiền chi trả cổ tức	-	-	(30)	(0)	-
Chi phí lãi vay	(2)	(5)	(4)	(1)	(4)	Tiền từ vay ròng	(62)	(0)	(38)	(7)	56
Lợi nhuận từ CTLĐ/LK	-	-	-	-	-	Tiền thu khác	1	-	1	-	-
Lãi/lỗ khác	5	1	(2)	(0)	(1)	LCTT từ HĐ Tài chính	(61)	(0)	(67)	(7)	56
Lợi nhuận trước thuế	39	41	59	46	87	Dòng tiền đầu kỳ	106	43	305	155	75
Thuế thu nhập DN	(8)	(9)	(8)	(9)	(19)	Tiền trong kì	(62)	262	(150)	(79)	129
LN sau thuế	31	31	50	37	68	Dòng tiền cuối kỳ	43	305	156	75	204
CĐTS	1	(1)	2	6	1						
LNST - CĐTS	30	32	48	31	68						
EBITDA	55	47	42	44	88						
EPS	590	631	947	606	1,082						

CĐKT (Tỷ đồng)						Chỉ số (%)					
	2019	2020	2021	2022	2023F		2019	2020	2021	2022	2023F
Tiền và DTTC	56	329	182	156	228	Khả năng thanh toán					
Phải thu ngắn hạn	834	643	556	535	537	Hổ TT ngắn hạn	1.97	1.90	3.28	3.66	2.59
Tồn kho	221	232	139	124	229	Hổ TT nhanh	1.58	1.53	2.76	3.11	2.00
TS ngắn hạn khác	1	1	1	6	3						
Tài sản ngắn hạn	1,112	1,206	878	821	997	Cơ cấu vốn					
TSCĐ hữu hình	78	64	9	66	13	Hệ số Nợ/TTS	42%	43%	24%	21%	32%
TSCĐ vô hình	3	3	2	4	2	Hệ số Nợ/VCSH	72%	75%	31%	26%	41%
TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-						
TS dở dang dài hạn	2	0.3	0.2	0.2	0.2	Năng lực hoạt động					
ĐT dài hạn	214	213	244	235	233	Số ngày HTK	107	127	96	63	91
TS dài hạn khác	3	4	3	7	5	Số ngày phải thu	348	293	308	226	172
Tài sản dài hạn	302	292	267	324	262	Số ngày phải trả	182	128	72	64	59
Tổng tài sản	1,413	1,498	1,145	1,145	1,258						
Phải trả ngắn hạn	436	282	129	153	183	Tỷ suất lợi nhuận					
Vay ngắn hạn	46	63	31	20	70	Lợi nhuận gộp	13.7%	16.9%	19.6%	16.3%	19.3%
Nợ ngắn hạn khác	81	290	107	52	130	Lợi nhuận LNST	4%	4%	8%	4%	6%
Tổng Nợ ngắn hạn	563	636	268	224	384	ROE	4%	4%	6%	4%	7%
Vay dài hạn	23	6	-	-	6	ROA	2%	2%	4%	3%	5%
Nợ dài hạn khác	4	2	5	13	7						
Tổng Nợ dài hạn	27	8	5	13	13	Định Giá					
Nợ phải trả	590	644	273	237	397	PE	29.0	7.0	31.5	17.7	13.6
Vốn góp	509	509	509	588	588	PB	0.3	0.5	1.3	0.8	0.8
Thặng dư vốn cổ phần	89	89	87	87	87						
LN chưa phân phối	171	202	214	165	225	Tăng trưởng					
Vốn chủ khác	54	54	59	72	75	Tăng trưởng DTT		-8%	-18%	31%	32%
Cổ đông thiểu số	11	11	13	25	26	Tăng trưởng EBIT		18%	-4%	10%	131%
Vốn chủ sở hữu	824	853	868	911	975	Tăng trưởng LNNT		4%	45%	-21%	87%
Tổng nguồn vốn	1,413	1,497	1,141	1,148	1,372	Tăng trưởng EPS		7%	50%	-36%	79%
SLCP (triệu)	51	51	51	59	59						

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

